

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Xuân Tuấn.

Bà Hoàng Thị Bích Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 06 ngày 5 ngày 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-DS ngày 23 ngày 5 ngày 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn T (Có mặt), bà Nguyễn Thị H (Có mặt), ông Đoàn Minh T1 (Vắng mặt), ông Đồng Phú V (Vắng mặt); chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Cùng địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, quận Đ, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 4 năm 2025).

- Bị đơn: Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng V2) trình bày:

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, bà Đảng Thị V1 và Ngân hàng V2 (Chi nhánh C - Phòng G) ký Hợp đồng tín dụng số 103055070.23 với nội dung Ngân hàng V2 cho bà Đảng Thị V1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Cùng ngày 21/8/2023, Ngân hàng V2 đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Đảng Thị V1 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 103097438.23 ngày 21/8/2023.

Mục đích vay vốn: Đáp ứng nhu cầu vay mua bất động sản thửa đất số 338, tờ bản đồ số 45. Thời hạn vay 360 tháng tính từ 21/8/2023 đến 20/8/2053. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 11.5 %/năm, đây là lãi suất ưu đãi được áp dụng trong 12 tháng. Hết thời hạn ưu đãi lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3.90 %/năm. Hoàn trả gốc hàng tháng, vào ngày 25, từ ngày 25/9/2023 đến ngày 31/7/2053 với số tiền 2.778.000 đồng, từ ngày 01/8/2053 đến ngày 19/8/2053 với số tiền 2.698.000 đồng, dư nợ gốc còn lại trả hết vào cuối kỳ. Ngày trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25, ngày trả phí theo quy định của Ngân hàng V2 từng thời kỳ.

Về tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 338, tờ bản đồ số 45, diện tích 60m², địa chỉ khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: DC 459537 ngày 06/12/2021, cho bà Trịnh Ngọc L. Đến ngày 29/8/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L xác nhận chuyển nhượng cho bà Đảng Thị V1 theo hồ sơ số 000499.CN.002. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng V2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 06/9/2023 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà Đảng Thị V1 đã trả được tổng số tiền 56.690.000 đồng trong đó: Nợ gốc 13.890.000 đồng, lãi trong hạn 44.753.783 đồng, lãi quá hạn 46.217 đồng. Tuy nhiên, bà Đảng Thị V1 chỉ thực hiện được một thời gian thì vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký, vì vậy, Ngân hàng V2 đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 26/02/2024. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/6/2025, bà Đảng Thị V1 còn nợ Ngân hàng V2 tổng số tiền 1.186.149.853 đồng, trong đó: Nợ gốc 986.110.000 đồng, lãi trong hạn 34.900.711 đồng, lãi quá hạn 165.139.142 đồng.

Về kết quả đo đạc, diện tích đo đạc thực tế đối với diện tích đất thế chấp giảm 0,4m² tương ứng với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính phường C đo vẽ chỉnh lý năm 2019, diện tích là 59,6m², địa chỉ khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Theo mảnh trích đo địa chính số 20-2025, đất có vị trí đỉnh thửa được ký hiệu A). Ngân hàng V2, không có ý kiến gì. Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, yêu cầu cụ thể như sau:

1. Buộc bà Đảng Thị V1 có nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/6/2025, với tổng số tiền 1.186.149.853 đồng (trong đó: Nợ gốc 986.110.000 đồng; nợ lãi trong hạn 34.900.711 đồng, nợ lãi quá hạn 165.139.142 đồng). Kể từ ngày 11/6/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, bị đơn bà Đảng Thị

V1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị đơn bà Đảng Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, thì Ngân hàng V2, có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đảng Thị V1 phải có nghĩa vụ trả hết số nợ còn thiếu cho Ngân hàng V2.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2025, bà Đảng Thị V1 trình bày:

Nội dung Ngân hàng V2 khởi kiện về việc bà Đảng Thị V1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), cùng với đó là về lãi suất, thời hạn vay, ngày trả lãi, ngày hoàn trả gốc hàng tháng, quy định về trả phí và tài sản đảm bảo của khoản vay là hoàn toàn đúng.

Cụ thể, ngày 21/8/2023 bà Đảng Thị V1 và Ngân hàng V2 ký Hợp đồng tín dụng số 103055070.23, cùng ngày ngân hàng đã giải ngân số tiền trên theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 103097438.23.

Do kinh doanh gặp khó khăn nên từ ngày 25/02/2024, bà Đảng Thị V1 không thanh toán được tiền nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng như nội dung thỏa thuận đã ký. Do đó, việc Ngân hàng V2 khởi kiện là có căn cứ, bà Đảng Thị V1 chấp nhận yêu cầu khởi kiện đồng ý trả các khoản nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2024 là 1.116.102.769 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 103055070.23 đã ký ngày 21/8/2023; bao gồm: Nợ gốc: 986.110.000 đồng, lãi vay trong hạn: 34.900.711 đồng, lãi quá hạn 95.092.058 đồng và có trách nhiệm trả tiếp các khoản kể từ ngày 01/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2 thì đồng ý để cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ, cụ thể là: Quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 338, tờ bản đồ 45, diện tích 60m² bản đồ địa chính phường C năm 1999; tương ứng là thửa đất số 213, tờ bản đồ số 49 bản đồ địa chính phường C đo vẽ chỉnh lý năm 2019, diện tích 59,6m²; đất có địa chỉ tại khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Theo mảnh trích đo địa chính số 20-2025, đất có vị trí đỉnh thửa A, B, C, D).

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ các Điều 16, 19, 117, 118, 119, 299, 318, 323, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 2 Quy chế cho vay của tổ chức tín

dụng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N; các khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đảng Thị V1 phải thanh toán cho Ngân hàng V2 số tiền nợ gốc 986.110.000 đồng, nợ lãi trong hạn 34.900.711 đồng, nợ lãi quá hạn 165.139.142 đồng; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp bà Đảng Thị V1 không thanh toán số tiền nợ trên Ngân hàng V2 được đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0009173.23 ngày 06/9/2023 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, bà Đảng Thị V1 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán đủ số tiền nợ còn thiếu. Về án phí và chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Đảng Thị V1. Xét thấy, bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về hợp đồng tín dụng: Xét thấy, ngày 21 tháng 8 năm 2023, Ngân hàng V2 - Chi nhánh C - Phòng G và bà Đảng Thị V1 ký Hợp đồng tín dụng số: 103055070.23 (Kèm theo Hợp đồng tín dụng là Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, cùng ngày Ngân hàng V2 đã giải ngân cho bà Đảng Thị V1 số tiền 1.000.000.000 đồng) là trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 117, 385, 463 của Bộ luật Dân sự. Do đó hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết và phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đảng Thị V1 đã trả được tổng số tiền 56.690.000 đồng, gồm nợ gốc 13.890.000 đồng, lãi trong hạn 44.753.783 đồng, lãi quá hạn 46.217 đồng, nhưng từ tháng 02/2024 bị đơn không trả tiền gốc và lãi như thỏa thuận. Do vi phạm hợp đồng nên từ ngày 26/02/2024, Ngân hàng V2 đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn theo mục 4.3 điểm 4.0 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (Đính kèm Hợp đồng tín dụng) là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng V2 yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2025), với tổng số tiền 1.186.149.853 đồng, trong đó: Nợ gốc 986.110.000 đồng; nợ lãi trong hạn 34.900.711 đồng, nợ lãi quá hạn 165.139.142 đồng, là có căn cứ theo Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, của Thống đốc Ngân

hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và phù hợp với các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản bảo đảm: Ngày 06 tháng 9 năm 2023, Ngân hàng V2 và bà Đảng Thị V1 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0009173.23, tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng thửa đất số 338, tờ bản đồ số 45, diện tích 60m², địa chỉ khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tại tiêu mục 3.1.2 điểm 3.0 của Hợp đồng thế chấp quy định: “Tài sản thế chấp theo Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn: - Các công trình xây dựng phụ trợ thuộc sở hữu của Bên B...”, vì vậy cần xác định toàn bộ tài sản thế chấp, bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Do đó, Ngân hàng V2 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 3 năm 2025 và mảnh trích đo địa chính số 20-2025 kèm theo, thể hiện: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 45, diện tích 60m² đã được cấp GCNQSDĐ số: DC 459537 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 06/12/2021, có diện tích đo đạc thực tế là 59,6m² giảm 0,4m² so với GCNQSDĐ, trên đất có một ngôi nhà cấp IV gác lửng, mái lợp tôn. Theo tờ bản đồ địa chính số 49, được đo vẽ chỉnh lý năm 2019, thì diện tích 59,6m² trên thửa đất số 213.

[7] Như vậy, diện tích trên GCNQSDĐ 60m² (đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất) và diện tích đo đạc thực tế 59,6m² là không thống nhất với nhau. Xét quy định tại khoản 6 Điều 135 Luật Đất đai năm 2024, để đảm bảo cho việc thi hành án và quyền lợi của người mua tài sản bảo đảm (khi bán tài sản để thu hồi nợ), cần phải xác định diện tích của tài sản bảo đảm theo số liệu đo đạc thực tế là 59,6m² tương ứng với thửa đất số 213, tờ bản đồ địa chính số D, phường C, được đo vẽ chỉnh lý năm 2019.

[8] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Nguyên đơn là người nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền 10.811.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 47.584.000 đồng, để nộp ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 299; Điều 307; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 322; Điều 323; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Đảng Thị V1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/6/2025, là 1.186.149.853 đồng (một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc 986.110.000 đồng; nợ lãi trong hạn 34.900.711 đồng, nợ lãi quá hạn 165.139.142 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2025), bà Đảng Thị V1 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 103055070.23 ngày 21/8/2023, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.2. Trường hợp bà Đảng Thị V1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, là quyền sử dụng đất 59,6m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ địa chính số 49, phường C, được đo vẽ chỉnh lý năm 2019, địa chỉ khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (tương ứng là thửa đất số 338, tờ bản đồ số 45, diện tích 60m², địa chỉ khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 459537 ngày 06/12/2021) và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp IV gác lửng, mái lợp tôn. Diện tích đất 59,6m² được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm: A, B, C, D, thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 20-2025 ngày 02/4/2025, kèm theo Bản án.

Việc thanh toán tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp thực hiện theo quy định tại Điều 307 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì bà Đảng Thị V1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong khoản vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đảng Thị V1 phải chịu số tiền 10.811.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền 10.811.000 đồng (mười triệu tám trăm mười một nghìn đồng), bà Đảng Thị V1 phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn bà Đảng Thị V1 phải chịu 47.584.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách nhà nước.

3.2. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.435.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004905 ngày 03/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn